

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 380/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 6 - 2024
V/v ly hôn Bích – San

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ông Võ Thái Quân.
Ông Huỳnh Văn Sứ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2024/TLST - HNGĐ ngày 08/4/2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1991.

Trú tại: Tổ B, ấp T, xã M, huyện C, Tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1989.

Trú tại: khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/03/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

Bà B, ông S chung sống vợ chồng trên cơ sở tự tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109, ngày 11 tháng 7 năm 2016. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến cự cãi, do bà B trước khi kết hôn với ông S từng có gia đình riêng nên ông S nhiều lần không tin tưởng, bà B cố gắng dung hoà để cuộc sống vợ chồng được hạnh phúc nhưng ông S không thay đổi, tháng 12 năm 2023 ông S bỏ về nhà cha mẹ đẻ sống, vợ chồng ly thân, trong

thời gian ly thân ông **S**, bà **B** không qua lại hỏi thăm hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông **S**.

Con chung: Ông **S**, bà **B** có một con chung tên **Hoàng Nhật L**, sinh ngày 04/12/2016, con chung đang sống chung với bà **B**, khi ly hôn bà **B** yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông **S** cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Bị đơn ông **Hoàng Văn S** vắng mặt, không có ý kiến trình bày.*

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân được đại diện **khóm P** cho biết: ông **Hoàng Văn S**, sinh năm 1989 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **khóm P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang**. Tuy nhiên hiện nay ông **S** đi làm xa không có mặt tại địa phương, về tình trạng hôn nhân giữa bà **B**, ông **S** như thế nào thì địa phương không nắm rõ.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng và đề xuất như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Ông **S** không có mặt theo các thông báo là thực hiện không đúng Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cho bà **B** được ly hôn với ông **S**. Về con chung giao cho bà **B** được tiếp tục nuôi dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà **B** yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông **S** nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại **thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang** nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà **B** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông **S** được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: bà **B** và ông **S** tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống và có đăng ký kết hôn năm 2016 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ông **S**, bà **B** chung sống vợ chồng nhưng thường xuyên cãi nhau do ông **S** không chí thú làm ăn, chỉ biết ham chơi, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, do ông **S** không tin tưởng và

tôn trọng bà **B**, sự việc diễn ra trong nhiều năm, tháng 12 năm 2023 ông **S** bỏ về nhà cha mẹ để sống, vợ chồng ly thân, trong thời gian ly thân không ai qua lại, điện thoại hay có ý hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay bà **B** xin ly hôn với ông **S**.

Theo quy định tại Điều 19, Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Thế nhưng vợ chồng ông **S**, bà **B** không còn chung sống khoảng hơn sáu tháng nay là khoảng thời gian dài. Điều này chứng tỏ vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cũng như không thể chia sẻ công việc trong gia đình với nhau được nữa, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thống nhất cho bà **Nguyễn Thị Ngọc B** được ly hôn ông **Hoàng Văn S**.

[2.2] Về con chung: Bà **B**, ông **S** có 01 con chung tên **Hoàng Nhật L**, sinh ngày 04/12/2016 con chung đang sống chung bà **B**, khi ly hôn bà **B** yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông **S** cấp dưỡng cho con, và bảng tự khai ngày 08/4/2024 cháu **Nhật L** có nguyện vọng được sống chung với bà **B**, xét từ khi ly thân đến nay con chung đang sống với bà **B**, có cuộc sống ổn định, nên tiếp tục giao cháu **Hoàng Nhật L** cho bà **B** nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông **S** vắng mặt, không ý kiến về vấn đề con chung, nên không xem xét giải quyết

[2.3] bà **B** trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: bà **B** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc B**

Về hôn nhân: Cho bà **Nguyễn Thị Ngọc B** được ly hôn ông **Hoàng Văn S**.

Về con chung: Giao con chung **Hoàng Nhật L**, sinh ngày 04/12/2016 cho bà **B** được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông **S** không phải cấp dưỡng cho con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Về án phí: bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006836 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Bà B không phải nộp thêm án phí.

Ông Hoàng Văn S không phải chịu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông S, bà B vắng mặt thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Thảo

